

KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH
Chương trình dành cho học viên cao học xét chuẩn đầu ra môn ngoại ngữ
Kỳ thi ngày: 11/04/2021

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên	Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
1	0421001	1870651	Trần Thị Xuân An	02/09/1990	86.5	Đạt
2	0421002	17C11001	Nguyễn Trường An	10/08/1994	109.5	Đạt
3	0421003	C20610143	Đặng Nguyên Kim An	24/01/1989	114	Đạt
4	0421004	19B8501001	Phạm Thị Thuận An	02/11/1992	80	Đạt
5	0421005	19C64001	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	02/02/1990	Vắng	
6	0421006	C20610145	Nguyễn Tú Anh	05/01/1997	49.5	Không đạt
7	0421007	C18609144	Lâm Vân Anh	06/11/1988	93.5	Đạt
8	0421008	1781010101	Ngô Thế Anh	17/11/1993	41.5	Không đạt
9	0421009	C19610141	Nguyễn Thị Vân Anh	15/07/1993	105	Đạt
10	0421010	C18605068	Phan Thị Ngọc Ánh	01/08/1984	65.5	Không đạt
11	0421011	1670793	Võ Văn Ba	07/03/1984	76.5	Không đạt
12	0421012	C20610148	Trần Phúc Bảo	05/10/1992	124	Đạt
13	0421013	18B8501011	Nguyễn Quốc Bảo	07/12/1994	102.5	Đạt
14	0421014	19B8501003	Thạch Thanh Bình	19/12/1995	Vắng	
15	0421015	17C32014	Lê Thị Ái Cẩm	01/04/1994	114	Đạt
16	0421016	1970192	Nguyễn Thị Bảo Châu	10/01/1996	100	Đạt
17	0421017	C19607059	Nguyễn Thị Lan Chi	01/05/1990	114	Đạt
18	0421018	1970317	Nguyễn Vũ Hoàng Chương	14/09/1992	97	Đạt
19	0421019	176058010801	Đoàn Vũ Hoàng Chương	03/11/1990	101.5	Đạt
20	0421020	1670213	Hoàng Văn Công	10/10/1988	93.5	Đạt
21	0421021	CH2002030	Lê Thành Công	18/02/1994	80	Đạt
22	0421022	C19610144	Nguyễn Chí Công	17/03/1992	96	Đạt
23	0421023	CH2001001	Trần Hiếu Đại	05/01/1996	123	Đạt
24	0421024	C19607060	Văn Minh Đại	30/11/1990	100.5	Đạt
25	0421025	1985203203	Nguyễn Hồng Dân	23/11/1996	86.5	Đạt
26	0421026	1870529	Nguyễn Công Danh	20/10/1995	83.5	Đạt
27	0421027	CH2002003	Lê Thành Danh	18/02/1994	101.5	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
28	0421028	1870283	Lê Tiến	Đạt	09/08/1994	109.5	Đạt
29	0421029	C20610154	Nguyễn Quốc	Đạt	19/10/1997	107	Đạt
30	0421030	C18610205	Huỳnh Lý Thúy	Điểm	30/04/1989	116	Đạt
31	0421031	C20610152	Trần Lưu Ngọc	Điểm	14/08/1996	90	Đạt
32	0421032	20C34004	Huỳnh Anh	Dũng	05/04/1997	123	Đạt
33	0421033	CH2004002	Trần Thùy	Dương	02/03/1994	106	Đạt
34	0421034	1770587	Hoàng Công Anh	Duy	13/10/1994	115	Đạt
35	0421035	1970269	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	30/12/1996	93.5	Đạt
36	0421036	C19609099	Trần Ngọc	Giác	30/12/1986	88	Đạt
37	0421037	16C32018	Ngô Thị Thanh	Giang	22/12/1990	105	Đạt
38	0421038	C19607061	Cao Thị	Giang	25/05/1987	117	Đạt
39	0421039	101011605	Phương Thị Thu	Hà	16/11/1988	80	Đạt
40	0421040	C20610157	Lê Thanh	Hải	08/03/1978	123	Đạt
41	0421041	1970193	Hồ Thị Cẩm	Hằng	26/05/1989	100	Đạt
42	0421042	C19604024	Nguyễn Thị Minh	Hằng	30/04/1995	91	Đạt
43	0421043	1770202	Nguyễn Việt	Hào	10/11/1992	90	Đạt
44	0421044	1970704	Đinh Văn	Hiền	12/04/1995	91	Đạt
45	0421045	18C12003	Phạm Thị Xuân	Hiền	28/09/1994	Vắng	
46	0421046	C20610162	Nguyễn Thu	Hiền	12/10/1996	120.5	Đạt
47	0421047	1985010109	Nguyễn Thành	Hiếu	03/05/1993	92.5	Đạt
48	0421048	CH2004005	Võ Huỳnh Quang	Hiếu	23/07/1981	82.5	Đạt
49	0421049	C20605091	Ngô Chí	Hiếu	19/12/1994	93.5	Đạt
50	0421050	C19609106	Trần Thị Yến	Hòa	25/10/1988	90	Đạt
51	0421051	16C51015	Vũ Thanh	Hoài	16/02/1994	91	Đạt
52	0421052	1870117	Mai Chiêm	Hoàng	20/05/1982	101.5	Đạt
53	0421053	C196070062	Nguyễn Duy	Hoàng	26/09/1995	146.5	Đạt
54	0421054	1970305	Đặng Thị Cẩm	Hồng	10/09/1995	112.5	Đạt
55	0421055	1770489	Trương Công	Hùng	09/12/1982	70	Không đạt
56	0421056	17C54003	Phan Văn	Hùng	19/07/1994	116	Đạt
57	0421057	1670666	Phạm Thị	Hường	23/06/1994	99	Đạt
58	0421058	CH2002007	Nguyễn Xuân	Huy	08/03/1978	98	Đạt
59	0421059	C19610161	Trần Lê	Huy	27/09/1993	104.5	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
60	0421060	C20610165	Võ Nguyễn Khánh	Huyền	12/03/1996	84.5	Đạt
61	0421061	280848061	Bùi Mạnh	Khang	19/01/1986	98	Đạt
62	0421062	2091033	Võ Đăng	Khinh	28/07/1980	37	Không đạt
63	0421063	1870525	Huỳnh Lê Minh	Khoa	26/04/1994	94.5	Đạt
64	0421064	1770448	Trần An	Khương	02/05/1994	82.5	Đạt
65	0421065	16C24004	Nguyễn Đắc	Kim	17/03/1990	88	Đạt
66	0421066	1770235	Huỳnh Trần Uy	Lâm	23/06/1994	Vắng	
67	0421067	MPMIU18017	Đỗ Ngọc	Lâm	22/09/1974	86.5	Đạt
68	0421068	1770580	Nguyễn Dương Hồng	Lan	03/10/1974	92.5	Đạt
69	0421069	C20610170	Lê Thị Trúc	Lan	03/05/1982	100.5	Đạt
70	0421070	1770449	Võ Thị Ngọc	Lành	20/10/1984	113.5	Đạt
71	0421071	2085010105	Bành Danh	Liêm	20/04/1987	104.5	Đạt
72	0421072	1770450	Nguyễn Thị	Liên	02/09/1995	91	Đạt
73	0421073	1770243	Nguyễn Văn Chí	Linh	30/03/1987	90	Đạt
74	0421074	18C67029	Nguyễn Thị Kiều	Linh	12/04/1996	117	Đạt
75	0421075	18B8501006	Trần Thị Phương	Linh	16/05/1996	84.5	Đạt
76	0421076	CH1601012	Lê Thị Mộng	Linh	11/10/1984	108	Đạt
77	0421077	C18610219	Nguyễn Khánh	Linh	19/05/1973	72	Không đạt
78	0421078	C19609112	Mai Ngọc	Linh	22/06/1990	94.5	Đạt
79	0421079	C19609113	Nguyễn Duy	Linh	21/02/1996	86.5	Đạt
80	0421080	1870286	Phan Thanh Kim	Loan	05/04/1994	82.5	Đạt
81	0421081	MPMIU19013	Nguyễn Thị Kim	Loan	13/09/1972	64	Không đạt
82	0421082	19B8501007	Trần Thị Tuyết	Loan	15/11/1995	74.5	Không đạt
83	0421083	19C11030	Hồ Tấn	Lộc	04/07/1994	113.5	Đạt
84	0421084	C17609027	Huỳnh Mai Xuân	Lộc	06/11/1980	61	Không đạt
85	0421085	CH1702038	Nguyễn Tài Tấn	Lộc	05/02/1992	Vắng	
86	0421086	1970324	Phạm Văn	Long	24/09/1989	Vắng	
87	0421087	C19607065	Vũ Chánh	Luận	04/05/1992	116	Đạt
88	0421088	C20602007	Nguyễn Thị Viên	Lý	09/09/1997	112.5	Đạt
89	0421089	C20604057	Lương Thị Tuyết	Mai	04/12/1981	105	Đạt
90	0421090	1870516	Hoa Văn	Mánh	30/04/1989	63	Không đạt
91	0421091	1770591	Trương Vũ	Minh	14/10/1994	104.5	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
92	0421092	C17609028	Lê Tấn	Minh	23/09/1985	Vắng	
93	0421093	MPMIU16033	Đào Vũ Hải	Linh	08/12/1988	107	Đạt
94	0421094	20B8501023	Trần Lê	Minh	04/01/1997	97	Đạt
95	0421095	C19604031	Nguyễn Hoàng	Minh	05/09/1993	103.5	Đạt
96	0421096	C19610170	Lê Thị Vũ	Mỹ	17/11/1996	88	Đạt
97	0421097	C19609115	Nguyễn Giang	Nam	05/12/1994	90	Đạt
98	0421098	CH2002010	Phạm Ri	Nép	19/08/1991	80	Đạt
99	0421099	1770592	Bùi Thị Kim	Ngân	24/06/1994	100.5	Đạt
100	0421100	C19610173	Lê Thị Thanh	Ngân	08/08/1997	101.5	Đạt
101	0421101	18C63003	Đỗ Minh	Nghĩa	13/02/1995	99	Đạt
102	0421102	19C34007	Ngô Trung	Nghĩa	27/02/1973	115	Đạt
103	0421103	C19610174	Đặng Nguyễn Minh	Nghĩa	14/06/1981	102.5	Đạt
104	0421104	CH2004009	Lê Thanh	Nghiêm	07/04/1978	Vắng	
105	0421105	1970258	Phạm Quốc	Nghiệp	15/09/1990	109	Đạt
106	0421106	c20609108	Lê Quang	nghiệp	19/10/1985	76.5	Không đạt
107	0421107	1783200139	Phạm Văn	Ngọc	27/07/1993	64	Không đạt
108	0421108	CH2002040	Đỗ Thị Như	Ngọc	28/11/1991	131	Đạt
109	0421109	18C12007	Châu Chiêu	Nguyên	21/09/1993	131	Đạt
110	0421110	C17609034	Huỳnh Thảo	Nguyên	26/09/1994	101.5	Đạt
111	0421111	C196091118	Nguyễn Thanh	Nguyên	01/01/1987	102.5	Đạt
112	0421112	C20607029	Nguyễn Thị Tuyết	Nguyên	02/06/1984	85.5	Đạt
113	0421113	18C71004	Lê Thị Tiểu	Nhã	20/03/1995	107	Đạt
114	0421114	1670671	Lê Thế	Nhân	29/09/1994	83.5	Đạt
115	0421115	1770178	Nguyễn Lê Hoài	Nhân	02/09/1994	85.5	Đạt
116	0421116	CH2002012	Tạ Nguyễn Thanh	Nhân	30/01/1993	124	Đạt
117	0421117	16C67026	Huỳnh	Nhi	11/03/1993	118	Đạt
118	0421118	1770571	Nguyễn Trường	Nhu	08/08/1992	104.5	Đạt
119	0421119	18C67039	Phạm Thị Yến	Như	28/03/1994	109.5	Đạt
120	0421120	C20608061	Nguyễn Quang Hạnh	Như	25/12/1997	123	Đạt
121	0421121	19C39010	Đỗ Hữu Minh	Nhựt	06/08/1994	115	Đạt
122	0421122	C18610212	Nguyễn Trường	Phật	01/03/1979	82	Đạt
123	0421123	1870255	Âu Quốc	Phong	15/07/1988	92.5	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
124	0421124	C19607073	Nguyễn Duy	Phú	24/06/1994	125	Đạt
125	0421125	C19604036	Hồ Minh Hoàng	Phúc	18/06/1995	125	Đạt
126	0421126	C18605057	Hồ Thị Uyên	Phương	27/01/1986	100.5	Đạt
127	0421127	C19610178	Phạm Thị Ngọc	Phương	03/08/1989	68.5	Không đạt
128	0421128	C18609152	Dương Diễm	Phượng	12/01/1987	91.5	Đạt
129	0421129	1770420	Phạm Ngọc	Quang	14/07/1981	98	Đạt
130	0421130	18C53002	Trần Đại	Quang	08/08/1983	62	Không đạt
131	0421131	C19609122	Bùi Ngọc Thiều	Quang	11/02/1995	110.5	Đạt
132	0421132	18C66014	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	03/02/1996	89	Đạt
133	0421133	C19603016	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/03/1995	112.5	Đạt
134	0421134	C19610179	Trần Phúc	Sinh	20/07/1991	82.5	Đạt
135	0421135	18C21008	Trần Hà	Sơn	11/03/1990	104.5	Đạt
136	0421136	101011610	Lê Văn	Suất	02/04/1986	Vắng	
137	0421137	C20610197	Đặng Hồng Kim	Tài	04/10/1996	126	Đạt
138	0421138	1970308	Phạm Nguyễn Băng	Tâm	04/03/1995	93.5	Đạt
139	0421139	1870278	Lê Minh	Tâm	09/02/1985	118.5	Đạt
140	0421140	19C29012	Nguyễn Văn	Tâm	06/11/1986	84.5	Đạt
141	0421141	18C38002	Nguyễn Thị Minh	Tâm	06/10/1991	106	Đạt
142	0421142	C19607076	Đào Thị	Tâm	07/10/1992	Vắng	
143	0421143	1885203210	Nguyễn Võ Thiện	Tâm	24/06/1994	92.5	Đạt
144	0421144	1770593	Huỳnh Duy	Tân	16/03/1994	92.5	Đạt
145	0421145	19B8520303	Bùi Văn	Thà	18/09/1992	107	Đạt
146	0421146	CH1602028	Võ Hoàng	Thái	25/12/1994	96	Đạt
147	0421147	C20607038	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	16/07/1991	99	Đạt
148	0421148	1770584	Nguyễn	Thắng	12/06/1987	100	Đạt
149	0421149	C19609123	Hoàng Chu Tất	Thắng	22/04/1990	126.5	Đạt
150	0421150	C17610042	Lê Quang	Thanh	05/12/1991	107	Đạt
151	0421151	1770427	Trần Duy	Thành	22/06/1989	81	Đạt
152	0421152	C17609043	Nguyễn Minh	Thành	01/03/1989	111.5	Đạt
153	0421153	18C71005	Nguyễn Thanh	Thảo	26/06/1995	89	Đạt
154	0421154	C19609124	Phạm Đăng Phương	Thảo	13/08/1995	133	Đạt
155	0421155	C20605126	Lê Thị Thanh	Thảo	20/09/1994	99	Đạt

Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
156	0421156	CH1602030	Trần Phạm Quang	Thịnh	11/01/1990	Vắng	
157	0421157	1781010122	Ngô Thị	Thơm	30/11/1993	89	Đạt
158	0421158	19B8501011	Nguyễn Trí	Thông	17/01/1990	98	Đạt
159	0421159	C20607039	Nguyễn Thị Phở	Thông	21/01/1990	118	Đạt
160	0421160	C19609127	Nguyễn Thị	Thu	15/07/1987	83.5	Đạt
161	0421161	C19609126	Nguyễn Thị Hoài	Thu	12/12/1994	110.5	Đạt
162	0421162	C19609128	Võ Thị Phương	Thu	05/04/1996	Vắng	
163	0421163	16C64026	Huỳnh Nguyễn Minh	Thư	17/07/1994	130.5	Đạt
164	0421164	CH1802062	Tạ Vũ Hoài	Thương	28/09/1994	81	Đạt
165	0421165	C20602010	Lê Thị	Thương	14/02/1997	117	Đạt
166	0421166	C20610205	Đỗ Hoài	Thương	13/01/1997	97	Đạt
167	0421167	CH1901014	Lê Thị Thanh	Thùy	22/04/1995	113.5	Đạt
168	0421168	C18610192	Nguyễn Lê Như	Thủy	20/12/1982	126	Đạt
169	0421169	1770289	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	30/10/1994	Vắng	
170	0421170	1885203217	Nguyễn Minh	Tiến	19/06/1992	62	Không đạt
171	0421171	1870313	Nguyễn Trọng	Tín	01/08/1995	127.5	Đạt
172	0421172	1870256	Âu Khương	Tinh	05/02/1978	90	Đạt
173	0421173	1985010120	Lê Văn	Toàn	12/02/1991	128.5	Đạt
174	0421174	18C67016	Võ Thị Huyền	Trâm	01/08/1993	98	Đạt
175	0421175	18C67049	Nguyễn Thị Hiền	Trang	25/02/1996	102.5	Đạt
176	0421176	C17605010	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03/04/1991	115	Đạt
177	0421177	C20605135	Trần Hoàng Quỳnh	Trang	02/09/1991	116	Đạt
178	0421178	1670699	Võ Minh	Trí	1985	74.5	Không đạt
179	0421179	1870281	Nguyễn Thành	Trí	10/12/1994	110.5	Đạt
180	0421180	1870644	Lê Minh	Trí	01/01/1988	36	Không đạt
181	0421181	18C67018	Võ Trần Ngọc	Trinh	24/12/1993	113.5	Đạt
182	0421182	C17610052	Nguyễn Thị Mai	Trinh	26/05/1993	85.5	Đạt
183	0421183	C19604040	Lê Hà Huệ	Trinh	18/01/1996	98	Đạt
184	0421184	C17610038BT	Lê Minh	Trọng	20/01/1995	58.5	Không đạt
185	0421185	19C34011	Dương Hồng	Trúc	01/08/1997	121.5	Đạt
186	0421186	1670744	Đào Xuân	Trung	18/12/1991	88	Đạt
187	0421187	CH1802063	Trương Quang	Trung	04/03/1991	63	Không đạt



Stt	SBD	Mã HV	Họ tên học viên		Ngày sinh	Điểm thi (Tổng 4 kỹ năng)	Kết quả đánh giá
188	0421188	CH2002022	Nguyễn Gia	Trung	17/05/1988	107	Đạt
189	0421189	C18609164	Nguyễn Hoàng	Trung	08/07/1992	91	Đạt
190	0421190	1870645	Lê Cẩm	Tú	09/02/1992	68.5	Không đạt
191	0421191	1770433	Nguyễn Thanh	Tuấn	27/04/1987	91.5	Đạt
192	0421192	20C34023	Trần Quốc	Tuấn	02/06/1979	66.5	Không đạt
193	0421193	19C11047	Mai Quế	Tùng	25/04/1994	124	Đạt
194	0421194	MPMIU17039	Cần Sơn	Tùng	08/11/1986	83.5	Đạt
195	0421195	17C11036	Lâm Quang	Tường	21/04/1995	107	Đạt
196	0421196	176031064011	Trần Thị Cẩm	Vân	12/11/1985	68.5	Không đạt
197	0421197	1670919	Lê Quốc	Việt	06/09/1990	109.5	Đạt
198	0421198	CH2001041	Vũ Văn	Việt	26/11/1973	98	Đạt
199	0421199	C19610196	Đỗ Thị Bảo	Việt	24/10/1997	113.5	Đạt
200	0421200	C19610197	Đặng Thành	Vinh	17/02/1993	111.5	Đạt
201	0421201	C19610198	Trần Xuân	Vũ	25/06/1993	124	Đạt
202	0421202	C19607082	Vy Văn	Vững	07/02/1990	71	Không đạt
203	0421203	C19610201	Nguyễn Thị	Yến	02/02/1985	107	Đạt

Tổng số : 203 học viên đăng ký dự thi, trong đó:

Số vắng thi: 13 học viên

Số dự thi: 190 học viên

Số đạt yêu cầu: 166 học viên (87.37%)

Số không đạt: 24 học viên (12.63%)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2021



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Lê Quan